Họ và tên: Võ Đình Tuấn - 4238

Lớp: CS311X

MÔ TẢ ĐỀ TÀI

1. Mục đích đề tài:

* Quản lý bãi giữ xe.

1. Mô hình lớp của đề tài:

* Lớp 01:
  + interface “IBaiGiuXE” với phương thức tính thành tiền.
* Lớp 02: Lớp cha “LoaiXe”:
  + là lớp trừu tượng, với các thuộc tính : mã vé, ngày gửi, đơn giá, số lượng.
* Lớp 03: Lớp con “XeOto”(vé tháng ‘VT’ và vé ngày ‘VN’) thừa kế lớp cha “LoaiXe” và thực hiện giao diện “IBaiGiuXE” thêm thuộc tính “loaiVe”:
  + Với cách tính thành tiền:
    - Nếu là vé ngày thì: Đơn giá \* Số lượng \*1.5
    - Nếu là vé tháng thì: Đơn giá \* Số lượng.
* Lớp 04: Lớp con “XeMay”(có thể gửi ở khu vực tầng G hoặc tầng 01) thừa kế lớp cha “LoaiXe” và thực hiện giao diện “IBaiGuiXe” thêm thuộc tính “khuVuc”:
  + Có thể gửi xe ở khu vực tầng G và khu vực tầng 1 với các tính thành tiền: Đơn giá \* Số lượng.
* Lớp cuối cùng là lớp danh sách vé xe: thực hiện các chức năng thêm mới, xóa theo mã, tìm theo mã, in danh sách, tính tổng tiền từng loại xe.

1. Miêu tả thuộc tính và thao tác sự kiện trong jframe:
2. Properties:

* Cursor: thiết lập con trỏ hiển thị trên chương trình khi chạy.
* Selection mode: lựa chọn các chế độ.
* Border painted: sơn đường viền.
* Maximum size: giới hạn kích thước mà cửa sổ có thể phóng to ra.
* Minimum size: giới hạn kích thước mà cửa sổ có thể thu nhỏ lại.
* Tool tiptext: hiển thị giải thích ý nghĩa của một thuộc tính.
* Foreground: hiển thị màu chữ viết.
* Font: thay đổi kiểu chữ, cỡ chữ hiển thị.
* Name: ghi tên của scroll panel.
* Always on top: thuộc tính mà khi chạy chương trình thì chương trình đó luôn xuất hiện ở phía góc trên của màn hình máy tính.
* Background: hiển thị màu nền của jframe.
* Enabled: trạng thái kích hoạt jframe.
* Resizable: chọn hoặc thay đổi kích thước giao diện hoặc không.
* Size: đặt kích thước cho jframe.
* Location: đặt vị trí cho jframe.
* Default close operation: đặt hành động mặc định sẽ xảy ra khi người dùng “close” Frame.
* Title: đặt tiêu đề cho jframe.
* Border: hiển thị đường viền của jframe.
* Model: các đối tượng có chứa dữ liệu được rút ra.

1. Events:

* mouseMoved: Được triệu hồi khi con trỏ chuột đã được di chuyển trên một thành phần nhưng không có nút nào được nhấn.
* Component hidden: được gọi khi phần nào đó của List bị làm ẩn đi.
* Component moved: được gọi khi phần nào đó của List bị di chuyển.
* Ancestor moved: di chuyển nguồn dữ liệu.
* Ancestor removed: thực hiện loại bỏ nguồn dữ liệu.
* component added: thêm thành phần nào đó vào container.
* component removed: xóa thành phần nào đó trong container.
* mouseDragged: Được triệu hồi khi một nút chuột được nhấn trên một thành phần và sau đó được kéo (drag).
* Component resize: sự kiện thực hiện thay đổi kích thước một thành phần nào đó của List.
* Compoment shown: sự kiện thực hiện hiển thị 1 thành phần nào đó của List.
* Ancestor added: thực hiện thêm nguồn dữ liệu.